

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
T. KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/DSST

Ngày 16/8/2022

Về việc: “*TrA chấp hợp đồng đặt cọc*”

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Việt Thái

2. Bà Hà Thị Kim Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: Bà Trần Phương Thúy – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc: “*TrA chấp hợp đồng đặt cọc*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đông Lộc, xã Thạnh Đông, huyện TH, tỉnh KG.

- Bị đơn: Ông Đặng Thái P, sinh năm 1984 (có mặt)

Bà Thị Kim A, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Thuận Hòa, xã Bình Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Nguyễn Văn D trình bày như sau:*

Vào năm 2020 tôi và vợ chồng ông Đặng Thái P và vợ là bà Thị Kim A có hợp đồng nhận cọc tiền lịch giá bán lúa sau thu hoạch, với số công ruộng là 154 công. Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng như sau: Bên ông P nhận của tôi số tiền 500.000 đồng/1 công ruộng, 154 công bằng số tiền 77.000.000 đồng. Sau khi thu hoạch lúa, vợ chồng

ông P phải trả cho tôi số tiền lệch giá 01 công là 100.000 đồng. Tổng cộng ông P phải trả cho tôi 600.000 đồng/1 công, 154 công bằng 92.400.000 đồng.

Tuy nhiên sau khi thu hoạch lúa, vợ chồng ông P không trả tiền cho tôi theo thỏa thuận mà kéo dài đến nay.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất giải quyết: Buộc vợ chồng ông P, bà Kim A phải trả lại cho tôi số tiền 92.400.000 đồng nêu trên.

** Bị đơn ông Đặng Thái P trình bày:*

Tôi thừa nhận vợ chồng tôi có ký tên vào hợp đồng đặt cọc với ông D, nội dung là tôi nhận tiền cọc của ông D 1 công bằng 500.000 đồng, 154 công bằng 77.000.000 đồng. Đến khi thu hoạch lúa thì tôi phải trả cho ông D số tiền 600.000 đồng/công bằng tổng số tiền 92.400.000 đồng. Nhưng tôi xin trình bày thêm là trước đó tôi có hợp đồng với ông D 01 lần rồi. Lúc đó tôi có nhận của ông D số tiền 150.000.000 đồng, sau đó tôi trả được 100.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng ông D mới lập hợp đồng sau này ghi số tiền đặt cọc là 77.000.000 đồng (trong đó 50.000.000 đồng là tiền gốc, còn lại 27.000.000 đồng là tiền lãi của 150.000.000 đồng).

Tôi xin trả số tiền gốc 50.000.000 đồng, còn xin tiền lãi vì trong số 77.000.000 đồng chỉ có 50.000.000 đồng tiền gốc. Đồng thời tôi xin trả dần tiền gốc bằng 4 vụ lúa.

** Tại phiên tòa vị đại diện VKS phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán cơ bản đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay; xét thấy phía bị đơn đã thừa nhận có ký tên vào hợp đồng đặt cọc theo thỏa thuận của các bên nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 92.400.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tra chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn D khởi kiện yêu cầu ông Đặng Thái P và bà Thị Kim A trả số tiền đặt cọc lúa. Phía bị đơn cư

trú tại ấp Thuận Hòa, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là trA chấp hợp đồng dân sự về đặt cọc, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn D và bị đơn bà Thị Kim A có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D và bà Thị Kim A.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử (HĐXX) có cơ sở nhận định như sau:

Vào năm 2020 ông Nguyễn Văn D và vợ chồng ông Đặng Thái P, bà Thị Kim A có ký kết hợp đồng nhận tiền đặt cọc lúa với nội dung: Ông D đặt cọc cho ông P số tiền 77.000.000 đồng tương ứng với 154 công ruộng (tính 500.000đ/công). Sau khi thu hoạch lúa, vợ chồng ông P phải trả cho ông D số tiền 600.000 đồng/công bằng 92.400.000 đồng. Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, ông P đều thừa nhận nội dung ký kết như trên là đúng nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do ông P làm ruộng bị thất nên đến nay chưa có tiền trả lại cho ông D. Như vậy việc ông P không thA toán tiền theo hợp đồng cho ông D sau khi thu hoạch lúa là vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng nên yêu cầu khởi kiện của ông D buộc ông P, bà Kim A trả cho ông số tiền 92.400.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

Ông P cho rằng trong số tiền cọc 77.000.000 đồng chỉ có 50.000.000 đồng tiền gốc, còn 27.000.000 đồng là tiền lãi nợ trước đó nhưng ông không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho lời khai nại của mình. Căn cứ vào Hợp đồng ký kết giữa các bên thì lẽ ra ông P, bà Kim A phải chịu trách nhiệm bồi thường gấp đôi số tiền cọc cho ông D theo nội dung cam kết tại Điều II của hợp đồng, nhưng do ông D không yêu cầu bồi thường nên HĐXX không xem xét.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những cơ sở trên, sau khi thảo luận nghị án, HĐXX chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông P và bà Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.620.000 đồng (92.400.000 đồng x 5%).

- Ông D được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 116, 278, 280 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D.

Buộc ông Đặng Thái P và bà Thị Kim A có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền 92.400.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Về án phí DSST:

- Ông P và bà Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.620.000 đồng.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.310.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007876 ngày 10/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3/. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Văn D và bà Thị Kim A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đường sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc